

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NHÀ TRƯỜNG
Năm 2025

I. Căn cứ để xây dựng kế hoạch

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác (nội dung về xây dựng QCCTNB);

Căn cứ Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2019 hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị kế hoạch tài chính, tổ chức được NSNN hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống Giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị kế hoạch tài chính, tổ chức được NSNN hỗ trợ; Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông 2018;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Quyết định số 380/PGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách 2025;

Trường TH-THCS Thanh Trường xây dựng kế hoạch tài chính nhà trường cho năm 2025 như sau:

II. MỤC ĐÍCH

- Tạo quyền chủ động trong việc quản lý chi tiêu tài chính trong nhà trường;
- Huy động các nguồn lực tài chính trong và ngoài nhà trường;
- Sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí ngân sách được cấp và các nguồn XHHGD;
- Đảm bảo thực hiện tốt CTGDPT 2018, hướng đến việc phát triển phẩm chất và năng lực người học;
- Tạo sự công bằng, đồng thuận trong tập thể CB-GV-NV nhà trường và sự an tâm, tin tưởng của CMHS.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

- Tổ chức thực hiện việc xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp với kế hoạch giáo dục, kế hoạch nâng cao năng lực nghề nghiệp của CBQL, GV; kế hoạch phát triển cơ sở vật chất, thiết bị, công nghệ và điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương;
- Điều chỉnh, bổ sung qui chế chi tiêu nội bộ, nhất là những hoạt động phát sinh khi thực hiện CTGDPT 2018 và những vấn đề liên quan đến thu giá dịch vụ đối với HS học bán trú;
- Quản lý thu - chi các nguồn trong và ngoài ngân sách theo đúng Luật Ngân sách nhà nước, đảm bảo nguyên tắc thiết thực, hiệu quả hướng đến nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường;
- Thực hiện nghiêm túc, đúng các quy định về chế độ báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo những quy định hiện hành;
- Định kỳ tổ chức công tác kiểm tra tài chính nội bộ; làm tốt công tác kiểm toán theo quy định của pháp luật để khắc phục những thiếu sót, sơ hở trong hoạt động QTTC hướng đến nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường;
- Thực hiện công khai, minh bạch tài chính, dân chủ, đúng quy định.

IV. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

- Thu, chi ngân sách nhà nước đảm bảo đúng quy định;

V. KẾ HOẠCH THU CHI KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NHÀ TRƯỜNG NĂM 2025

5.1 Kế hoạch thu:

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025 (chỉ sửa nội dung này theo quyết định cấp tiền đầu tiên của năm 2025 và dự toán ngân sách xin cấp tiền năm 2025)

+ Kinh phí Ngân sách theo Quyết định số 380/PGĐĐT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách 2025.

Số tiền được cấp: 12.216.458.000 đồng

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số tiền được cấp	Ghi chú
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 13)	11.602.438.000	Bộ máy (Con người + hoạt động)
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 12)	614.020.000	Chi mua sắm trang thiết bị và chế độ chính sách học sinh
	Tổng cộng	12.216.458.000	

5.2 Kế hoạch chi:

STT	Nội dung	Biên chế	Hệ số	Số đơn vị đề nghị	Số thảo luận (của Phòng)	Ghi chú
	TỔNG CỘNG			12.216.458.000		
A	Chi thường xuyên (=I+II+III)			11.073.411.000		
I	Chi cho con người (=1+2)			10.721.411.000		
1	Tiền lương, tiền công, Phụ cấp lương theo mức 2,34		339,9	8.997.971.876		
6001	Tiền lương theo ngạch bậc		197,73	5.188.858.800		
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng 2 người		7.280.000	87.360.000		
6101	Phụ cấp chức vụ		3,0	84.240.000		
6102	Phụ cấp khu vực		23,5	600.880.000		
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề		79,01	2.006.053.476		
6113	Phụ cấp thâm niên		36,01	952.160.800		
6115	Phụ cấp trách nhiệm		0,40	8.640.000		
6115	Phụ cấp chênh lệch bảo lưu		0,25	7.020.000		
	Dự toán nâng lương đợt 1+ đợt 2 /2024 và các khoản			62.758.800		

	đóng góp theo lương và các khoản đóng góp BHXH					
2	Các khoản đóng góp theo mức 2,34			1.723.439.124		
6301	Bảo hiểm xã hội: 17,5%			1.201.497.220		
6302	Bảo hiểm y tế: 3%			260.970.952		
6303	Kinh phí công đoàn: 2%			190.313.968		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp: 1%			70.656.984		
II	Chi hoạt động thường xuyên (tính bằng định mức năm 2025) (số biên chế*8 triệu/ biên chế)	45		302.000.000		
6199	Chi hỗ trợ học các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ			0		
6253	Chi tiền chế độ nghỉ phép năm 2025			5.000.000		
6299	Chi mua chè, nước			3.000.000		
6501	Chi tiền điện			60.000.00		
6502	Chi tiền nước			5.150.000		
6551	Chi văn phòng phẩm			35.000.000		
6552	Chi vật tư văn phòng khác			12.000.000		
6605	Chi cước phí Internet			6.000.000		
6149	Chi chế độ dạy ngoài trời giáo viên dạy thể dục			26.000.000		
6702	Chi phụ cấp công tác phí			3.000.000		
6704	Chi khoán công tác phí			6.000.000		
6912	Chi sửa chữa tài sản và thiết bị văn phòng			60.000.000		
7049	Chi mua làm các băng zon, bảng biểu các lớp học....			70.000.000		
7004	Chi mua đồng phục trang phục 2 giáo viên thể dục			6.500.000		
7001	Chi mua vật tư hàng hóa phục vụ công tác chuyên môn			30.000.000		
6608	Mua sách tham khảo phòng thư viện			0		
7053	Bảo trì phần mềm, gia hạn phần mềm			20.000.000		
7756	Phí ATM			3.000.000		
7757	Bảo hiểm cháy nổ			2.750.000		
7053	Bảo trì thiết bị tin học			8.600.000		
III	Chi ngoài định mức: Chi			50.000.000		

	các nghiệp vụ chuyên môn, sửa chữa thiết bị máy văn phòng, VPP...					
IV	Chi khen thưởng nghị định 73/NĐ-CP			529.027.000		
6201	Chi viên chức người lao động hoàn thành SXNV, HTT nhiệm vụ năm 2025			529.027.000		
B	Chi không thường xuyên (Nguồn không tự chủ)			614.020.000		
1	Chi mua sắm trang thiết bị			454.020.000		
2	Chi chế độ chính sách học sinh			160.000.000		
1	Hỗ trợ chi phí học tập			110.000.000		
2	Miễn, giảm học phí			50.000.000		
DC	Dự kiến thu chi học phí			38.185.907		
1	40% Cải cách tiền lương			22.124.147		
2	60% chi cho hoạt động					
6105	Phụ cấp độc hại (NVYT)		20%	16.061.760		

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Hiệu trưởng xây dựng và chịu trách nhiệm về Kế hoạch tài chính năm 2025 của đơn vị. Kế hoạch tài chính được xây dựng thông qua sự giúp việc, tham mưu của Kế toán nhà trường.

- Kế toán chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng để thực hiện Kế hoạch tài chính và thực hiện đúng nhiệm vụ của kế toán.

- Kế hoạch được công khai trong Chi ủy, Chi bộ, tập thể nhà trường, CMHS, trang website.

HIỆU TRƯỞNG



Dương Thị Hoa